

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUẦN GIÁO
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 119/2018/HS-ST
Ngày: 26/11/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN GIÁO - TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Việt Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Hữu và ông Bùi Xuân Khuê.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Lượng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Mai, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 120/2018/TLST-HS ngày 13 tháng 11 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2018/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 11 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phạm Văn K**; tên gọi khác: Không; Sinh ngày 17/02/1976 tại: Thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên.

Nơi cư trú: Khôi H, thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T (đã chết) và con bà Vũ Thị V (đã chết); có vợ Nguyễn Thị C, sinh năm 1981 và có 02 người con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2015; tiền sự: Không, tiền án: Không; nhân thân: Chưa lần nào bị xử lý vi phạm hành chính, tại bản án số: 06/2007/HSST ngày 08/8/2007 bị Tòa án Quân sự khu vực 1, Quân khu 2 xét xử tuyên phạt 30 tháng tù về tội Đánh bạc; bị bắt tạm giữ từ ngày 07/8/2018, tạm giam ngày 10/8/2018, ngày 24/8/2018 bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 18 ngày), ngày 13/9/2018 bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan:**

1. Họ và tên: **Nguyễn Thị C**; sinh năm: 1981. Nơi cư trú: Khôi H, thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên (có mặt).

2. Họ và tên: **Lò Văn X**; sinh năm: 1966. Nơi cư trú: Bản C, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên (vắng mặt).

*** Người có nghĩa vụ liên quan:**

1. Họ và tên: **Nông Quang L**; sinh ngày: 14/5/1968. Nơi cư trú: Khối T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên (vắng mặt).

2. Họ và tên: **Lò Văn T**; sinh ngày: 09/7/1985. Nơi cư trú: Bản C, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 07/8/2018, bị cáo Phạm Văn K điều khiển xe máy biển kiểm soát 88F3-0000 của bị cáo đi lên khu vực bản N để tìm mua ma túy về sử dụng. Qua trao đổi, bị cáo mua được 02 gói Heroine, trong đó một gói được gói bằng mảnh túi nilon màu xanh và một gói được gói bằng giấy màu trắng của một người phụ nữ dân tộc Thái (không biết tên, tuổi, địa chỉ của người này) với giá 125.000đ tại ven đường Quốc lộ thuộc địa phận bản N, xã Q, huyện T. Bị cáo giấu hai gói Heroine mua được vào túi quần bên trái đang mặc đi về nhà, khi đi đến sân vận động huyện thuộc địa phận khối T, thị trấn T, huyện T thì bị tổ công tác công an huyện Tuần Giáo phát hiện bắt quả tang thu giữ của bị cáo 02 gói Heroine có khối lượng 0,22 gam. Ngày 09/8/2018, Cơ quan điều tra ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can và ra lệnh tạm giam đối với bị cáo Phạm Văn K về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy quy định tại Khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Ngày 24/8/2018, bị cáo được thay thế biện pháp ngăn chặn từ tạm giam bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Khoảng 16 giờ ngày 13/9/2018 bị cáo đi bộ đón con, trong lúc chờ con tan trường, bị cáo vào nhà Nông Quang L, trú tại: Khối T, thị trấn T, huyện T chơi. Tại nhà L, bị cáo gặp Lò Văn T, trú tại bản C, xã Q, huyện T. Bị cáo khai, T đưa cho L 100.000đ nhờ L đi mua Heroine về cùng sử dụng, L nói khó mua vì công an làm chặt nên bị cáo xung phong đi mua Heroine về cùng sử dụng. T đưa xe máy biển kiểm soát 21T9-0000 của T cùng mũ bảo hiểm, chìa khóa xe máy và 100.000đ cho bị cáo. Trên đường đi, khi đến khu vực bản N, thị trấn T bị cáo dừng xe mua một bao thuốc lá với giá 10.000đ. Sau đó bị cáo đi lên khu vực bản N, xã Q, gặp người phụ nữ đã bán ma túy cho bị cáo ngày 07/8/2018 nhờ mua hộ 90.000đ Heroine và được người đó đưa cho 01 gói túi nilon màu hồng bên trong có 02 gói giấy màu trắng chứa Heroine. Sau khi mua được Heroine bị cáo K cất giấu trong mũ bảo hiểm mượn của T và đi về nhà L. Khi vào đến nhà L thì bị tổ công tác Công an huyện Tuần Giáo phát hiện, bắt quả tang, thu giữ trong mũ bảo hiểm bị cáo vừa đội rơi ra một gói túi nilon bên trong có 02 gói Heroine có khối lượng 0,13 gam.

Tại bản Kết luận giám định số: 735/GĐ-PC54 ngày 21/8/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên kết luận: “*Mẫu chất bột màu trắng trích ra từ vật chứng thu giữ của Phạm Văn K gửi giám định là chất ma túy: Loại Heroine.*”

Khối lượng vật chứng thu giữ của Phạm Văn K là 0,22 gam” và bản Kết luận giám định số: 806/GĐ-PC09 ngày 24/9/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên kết luận: “Mẫu chất bột màu trắng trích ra từ vật chứng thu giữ của Phạm Văn K gửi giám định là chất ma túy: Loại Heroine. Khối lượng vật chứng thu giữ của Phạm Văn K là 0,13 gam”

Tại Cơ quan Điều tra và phiên tòa hôm nay bị cáo Phạm Văn K khai nhận: Ngày 07/8/2018 bị cáo Phạm Văn K mua 02 gói Heroine với giá 125.000đ (*một trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) của một người phụ nữ dân tộc Thái về nhằm mục đích để sử dụng, chưa kịp sử dụng bị Công an bắt và thu giữ 02 gói Heroine có khối lượng 0,22 gam. Ngày 24/8/2018, bị cáo được thay thế biện pháp ngăn chặn từ tạm giam bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; đến ngày 13/9/2018 bị cáo tiếp tục mua 90.000đ được 02 gói Heroine có khối lượng 0,13 gam, bị Công an bắt quả tang và thu giữ. Cơ quan điều tra đã thu giữ của bị cáo tổng số là 0,35 gam Heroine, tạm giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu HOTWAV và 01 điện thoại di động nhãn hiệu GOLY; 01 xe máy hiệu SYM loại ANGEL có BKS: 88F3-0000, 01 xe máy hiệu HONDA loại Wave ALPHA có BKS 21T9- 0000; 01 mũ bảo hiểm hiệu INDEX và số tiền 250.000đ (*hai trăm năm mươi nghìn đồng*).

Tại bản Cáo trạng số: 97/CT- VKS-TG ngày 12 tháng 11 năm 2018, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo đã truy tố bị cáo Phạm Văn K về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy theo Điểm b Khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại đơn đề nghị và phiên tòa chị Nguyễn Thị C trình bày: Vào ngày 07/8/2018 Phạm Văn K là chồng của chị C đã sử dụng 01 xe máy hiệu SYM loại ANGEL có BKS: 88F3-0000 là tài sản chung của vợ chồng đi mua ma túy để sử dụng, nên bị Công an tạm giữ xe máy trên cùng 01 điện thoại di động nhãn hiệu HOTWAV. Sau khi được tại ngoại ngày 13/9/2018 Phạm Văn K tiếp tục mua ma túy, bị Công an tạm giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu GOLY và số tiền 250.000đ (*hai trăm năm mươi nghìn đồng*). Xe máy là tài sản chung của vợ chồng chị C, K tự động sử dụng xe máy đi mua ma túy, 02 điện thoại di động và số tiền trên không liên quan đến hành vi phạm tội của K. Chị Nguyễn Thị C đề nghị Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo trả lại tài sản trên cho chị theo quy định của pháp luật.

Tại đơn đề nghị ông Lò Văn X trình bày: Vào ngày 13/9/2018 Lò Văn T là con đẻ của ông X đã mượn xe máy 01 xe máy hiệu HONDA loại Wave ALPHA có BKS 21T9- 0000 và 01 mũ bảo hiểm hiệu INDEX để đi đón vợ, khi đến thị trấn T T lại cho bạn là Phạm Văn K mượn, bị Công an huyện Tuần Giáo tạm giữ do tàng trữ trái phép chất ma túy. Xe máy và mũ bảo hiểm trên là tài sản hợp pháp của ông Lò Văn X, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo trả lại cho ông.

Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điểm b Khoản 2 Điều 249; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị

cáo theo quy định tại Khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; đề nghị tịch thu tiêu hủy 02 phong bì màu trắng các mép đều được dán kín có khối lượng 0,08 gam Heroine và 0,07 gam Heroine vật chứng còn lại thu giữ của bị cáo; đối với 01 xe máy hiệu SYM loại ANGEL có BKS: 88F3-0000 bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội là tài sản chung của vợ chồng bị cáo, chị Nguyễn Thị C không biết bị cáo sử dụng xe máy để đi mua ma túy, đề nghị tịch thu xe máy bán để thu nộp ngân sách Nhà nước $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe máy; đối với $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe máy, 02 điện thoại di động và số tiền 250.000đ (*hai trăm năm mươi nghìn đồng*) không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo đề nghị trả lại cho vợ bị cáo là chị Nguyễn Thị C; đối với 01 xe máy hiệu HONDA loại Wave ALPHA có BKS 21T9- 0000 và 01 mũ bảo hiểm hiệu INDEX bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội là tài sản của ông Lò Văn X do Lò Văn T (con ông X) cho bị cáo mượn để đi đón con, nên đề nghị trả lại cho ông Lò Văn X. Áp dụng Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo hoàn toàn nhất trí với bản Cáo trạng và không có ý kiến tranh luận đối với bản luận tội của Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Ngoài xin giảm nhẹ hình phạt các bị cáo không có ý kiến gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và các Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tuần Giáo; Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan đã thực hiện đều hợp pháp và được chấp nhận.

[2] Về hành vi của bị cáo: Ngày 07/8/2018 bị cáo Phạm Văn K mua 02 gói Heroine với giá 125.000đ (*một trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) của một người phụ nữ dân tộc Thái về nhằm mục đích để sử dụng, chưa kịp sử dụng bị Công an bắt và thu giữ 02 gói Heroine có khối lượng 0,22 gam. Sau khi thay thế biện pháp ngăn chặn từ tạm giam bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, ngày 13/9/2018 bị cáo đi tiếp tục mua 02 gói Heroine với giá 90.000đ, bị Công an bắt và thu giữ 02 gói Heroine có khối lượng 0,13 gam, tổng khối lượng Heroine bị cáo tàng trữ 02 lần là 0,35 gam. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" theo Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Vì vậy Cáo trạng truy tố bị cáo là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bị cáo là

người có đủ năng lực để chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của bị cáo. Hội đồng xét xử kết luận: Bị cáo Phạm Văn K phạm tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Về tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội thì hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy. Hành vi của bị cáo trực tiếp tiếp tay cho những người chuyên mua bán trái phép các chất ma túy tồn tại và phát triển; là nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm làm ảnh hưởng đến trật tự trị an, an toàn xã hội trên địa bàn huyện Tuần Giáo nói riêng và tỉnh Điện Biên nói chung. Tội phạm mà bị cáo vi phạm là tội phạm rất nghiêm trọng. Vì vậy hành vi của bị cáo cần phải xử lý nghiêm minh trước pháp luật, mới có tác dụng phòng ngừa và kiên quyết đấu tranh chống tội phạm.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình; bị cáo có bổ để được Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến hạng Ba; nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bị cáo bị xử phạt 30 tháng tù vào năm 2007, đến nay đã được xóa án tích. Bị cáo đã có thời gian cải tạo tại trại giam, lẽ ra phải lấy đó làm bài học sống tốt hơn, có ích cho gia đình và xã hội. Cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo thông qua hình phạt để răn đe, giáo dục bị cáo thành người lương thiện, có ý thức tuân thủ pháp luật, đồng thời giúp các bị cáo cai nghiện chất ma túy.

[5] Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản theo quy định tại Khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xét thấy điều kiện kinh tế gia đình bị cáo khó khăn, bản thân bị cáo là người nghiện chất ma túy, nên không có khả năng thi hành. Do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Kiểm sát viên đề nghị xử phạt bị cáo từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù và không phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo. Hội đồng xét xử thấy là phù hợp với tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo, nên cần chấp nhận.

[7] Đối với người phụ nữ bị cáo khai đã bán Heroine cho bị cáo vào ngày 07/8/2018 và ngày 13/9/2018, quá trình điều tra xét thấy khi mua bán Heroine bị cáo không biết tên, địa chỉ của người phụ nữ đó. Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an huyện Tuần Giáo không có căn cứ để điều tra làm rõ, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với Lò Văn T là người bị cáo khai vào ngày 13/9/2018 đã đưa cho bị cáo số tiền 100.000đ, cùng xe máy, mũ bảo hiểm và chìa khóa xe máy để đi mua Heroine về để

bị cáo cùng T, L sử dụng. Tuy nhiên qua lấy lời khai của T, L và tiến hành đối chất giữa bị cáo với T, L thì Lò Văn T không thừa nhận ngày 13/9/2018 đưa 100.000đ cho bị cáo đi mua Heroine, T chỉ cho bị cáo mượn xe máy, mũ bảo hiểm, chìa khóa xe máy (do T mượn của bố để là ông Lò Văn X) để bị cáo đi đón con. Nông Quang L khai ở nhà ngoài, không được chứng kiến hay tham gia vào việc T đưa tiền cho bị cáo đi mua Heroine về cùng sử dụng như lời khai của bị cáo. Ngoài lời khai của bị cáo, không có tài liệu chứng cứ nào khác để xử lý đối với Lò Văn T, Nông Quang L, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Vật chứng vụ án:

Đối với xe máy hiệu SYM loại ANGEL có BKS: 88F3-0000 bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội. Quá trình điều tra và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị C và bị cáo đều khai nguồn gốc của xe máy là tài sản chung của gia đình, chị Nguyễn Thị C không biết bị cáo sử dụng xe máy để đi mua ma túy. Căn cứ quy định tại Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình, thì chiếc xe máy trên là tài sản chung của bị cáo và chị C tạo ra, thu nhập do lao động hợp pháp trong thời kỳ hôn nhân; căn cứ quy định tại Điều 38 Luật hôn nhân và gia đình chị C và bị cáo mỗi người được quyền sở hữu hợp pháp đối với $\frac{1}{2}$ giá trị của xe máy hiệu SYM loại ANGEL có BKS: 88F3-0000. Do vậy cần tịch thu xe máy bán, thu nộp ngân sách Nhà nước $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe máy (phần sở hữu hợp pháp của bị cáo); trả lại $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe máy (phần sở hữu hợp pháp của chị C) theo quy định tại Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Đối với 02 phong bì màu trắng các mép đều được dán kín có khối lượng 0,08 gam Heroine và 0,07 gam Heroine vật chứng còn lại thu giữ của bị cáo cần tịch thu tiêu hủy; đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu HOTWAV, 01 điện thoại di động nhãn hiệu GOLY và số tiền 250.000đ (*hai trăm năm mươi nghìn đồng*) không liên quan đến hành vi phạm tội, bị cáo đề nghị trả lại cho vợ là chị Nguyễn Thị C, nên cần chấp nhận;

Đối với 01 xe máy hiệu HONDA loại Wave ALPHA có BKS 21T9- 0000 và 01 mũ bảo hiểm hiệu INDEX bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội là tài sản của ông Lò Văn X do Lò Văn T (con ông X) cho bị cáo mượn để đi đón con, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, cần trả lại cho ông Lò Văn X, theo quy định tại Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[9] Án phí: Theo quy định tại Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 249; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Văn K phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

- Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Phạm Văn K 05 (năm) năm tù, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam 18 (mười tám) ngày. Bị cáo còn phải chấp hành tiếp là 04 (bốn) năm 11 (mười một) tháng 12 (mười hai) ngày. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày 13/9/2018.

2. Căn cứ Điểm a, Điểm c Khoản 1, Khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điểm a Khoản 2, Khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 02 phong bì màu trắng các mép đều được dán kín có khối lượng 0,08 gam Heroine và khối lượng 0,07 gam Heroine vật chứng còn lại thu giữ của bị cáo. Tịch thu 01 xe máy hiệu SYM loại ANGEL có BKS: 88F3-0000 bán, thu nộp ngân sách Nhà nước $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe máy; trả lại cho chị Nguyễn Thị C $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe máy hiệu SYM loại ANGEL có BKS: 88F3-0000, một điện thoại di động nhãn hiệu HOTWAV, một điện thoại di động nhãn hiệu GOLY và số tiền 250.000đ (hai trăm năm mươi nghìn đồng). Trả lại cho ông Lò Văn X 01 xe máy hiệu HONDA loại Wave ALPHA có BKS 21T9-0000 và 01 mũ bảo hiểm hiệu INDEX. Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 19/11/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuần Giáo.

3. Căn cứ Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (26/11/2018). Chị Nguyễn Thị C có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề liên quan đến quyền L, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (26/11/2018).

Ông Lò Văn X có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề liên quan đến quyền L, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại trụ sở Ủy ban nhân dân nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Tuần Giáo;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

- Công an huyện Tuần Giáo;
- Chi cục THADS huyện Tuần Giáo;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu.

Nguyễn Việt Hương

